



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Phạm Quang Sáng

Ký tên:

Giám thị 2: Phạm Văn Dũng

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006					C26KT	
2	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005					C26LG1	
3	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006					C26KT	
4	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006					C26KT	
5	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994					C26KT	
6	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006					C26KT	
7	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006					C26LG1	
8	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006					C26LG1	
9	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006					C26KT	
10	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006					C26LG1	
11	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006					C26KT	
12	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006					C26LG1	
13	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003					C26LG1	
14	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006					C26KT	
15	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006					C26KT	
16	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006					C26KT	
17	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004					C26KT	
18	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006					C26KT	
19	2410110003	Lê Duy Trinh	24/7/2005					C26KT	
20	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006					C26KT	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005					C26LG1	
22	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003					C26LG1	
23	2210040099	Trần Nguyễn Trung Trục	28/08/2004					C24CK3	
24	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006					C26KT	
25	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006					C26LG1	
26	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006					C26KT	
27	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006					C26LG1	
28	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004					C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
29	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006					C26LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 8 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Hồng Hoa

Ngày 08 tháng 04 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Tuấn



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: PCJR72

Thời gian thi: 03/04/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2025 10:30:00

Giám thị 1: I.V. Dũng Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: P.Q. Hằng Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	<u>Như</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
2	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	<u>Phật</u>	3.8	Ba, tám	C26LG1	
3	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<u>Oanh</u>	4.4	Bốn, bốn	C26KT	
4	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	<u>Quyên</u>	5.6	Năm, sáu	C26KT	
5	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994	<u>Sang</u>	5.2	Năm, hai	C26KT	
6	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	<u>Sương</u>	6	Sáu	C26KT	
7	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	<u>Tấn</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
8	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	<u>Thảo</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
9	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	<u>Thảo</u>	3.4	Ba, bốn	C26LG1	
10	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	<u>Thảo</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
11	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	<u>Thu</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
12	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	<u>Thư</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
13	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	<u>Thư</u>	5.8	Năm, tám	C26LG1	
14	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	<u>Thuận</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
15	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	<u>Tiên</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
16	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	<u>Trâm</u>	4.8	Bốn, tám	C26KT	
17	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	<u>Trâm</u>	7.4	Bảy, bốn	C26KT	
18	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	<u>Triết</u>	6.4	Sáu, bốn	C26KT	
19	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	<u>Trinh</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
20	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	<u>Trúc</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	<u>Trúc</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG1	
22	2210040099	Trần Nguyễn Trung Trực	28/08/2004	<u>Trực</u>	6.2	Sáu, hai	C24CK3	
23	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	<u>Trường</u>	4.4	Bốn, bốn	C26LG1	
24	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	<u>Tú</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
25	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	<u>Tuyền</u>	5.6	Năm, sáu	C26KT	
26	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	<u>Uyên</u>	6.4	Sáu, bốn	C26KT	
27	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	<u>Uyên</u>	4.6	Bốn, sáu	C26LG1	
28	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	<u>Vi</u>	3.4	Ba, bốn	C26KT	
29	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	<u>Vy</u>	7	Bảy	C26LG1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 29

Số sinh viên đạt: 24

Ngày 8 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đào Thị Lan Hoa

Ngày 08 tháng 04 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Minh Châu

PHÒNG

KHOA THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703

Số tín chỉ: 3

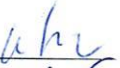
Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Lê Trung San

Ký tên: 

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005					C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006					C26LG1	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006					C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006					C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006					C26LG1	
6	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000					C26KT	
7	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004					C26LG1	
8	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006					C26LG1	
9	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005					C26LG1	
10	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006					C26KT	
11	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996					C26KT	
12	2410110001	Fa Ti Hách	16/8/2001					C26KT	
13	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004					C26KT	
14	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006					C26KT	
15	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006					C26LG1	
16	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006					C26KT	
17	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006					C26KT	
18	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006					C26LG1	
19	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006					C26LG1	
20	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006					C26LG1	
21	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006					C26LG1	
22	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005					C26KT	
23	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006					C26KT	
24	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/6/2006					C26KT	
25	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003					C24TC1	
26	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006					C26KT	
27	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006					C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
28	2410110024	Đầy Minh Nhu	13/07/2006					C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 28 / 28.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 8 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 18 tháng 04 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

phạm minh châu



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: DR8NI4

Thời gian thi: 03/04/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2025 10:30:00

Giám thị 1: Lê Trung Sơn Ký tên: Ước

Giám thị 2: Nguyễn Thị Hải Ký tên: Ước

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	<u>Ước</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	<u>Ước</u>	4.4	Bốn, bốn	C26LG1	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	<u>Ước</u>	3.2	Ba, hai	C26LG1	
4	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	<u>Ước</u>	5.8	Năm, tám	C26LG1	
5	2410150004	Nguyễn Đạt	29/07/2006	<u>Ước</u>	6	Sáu	C26LG1	
6	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	<u>Ước</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
7	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	<u>Ước</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
8	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	<u>Ước</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
9	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	<u>Ước</u>	4.6	Bốn, sáu	C26LG1	
10	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	<u>Ước</u>	5.6	Năm, sáu	C26KT	
11	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	<u>Ước</u>	5.6	Năm, sáu	C26KT	
12	2410110004	Bạch Văn Hai	22/02/1996	<u>Ước</u>	6	Sáu	C26KT	
13	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	<u>Ước</u>	4.4	Bốn, bốn	C26KT	
14	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	<u>Ước</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG1	
15	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	<u>Ước</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
16	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	<u>Ước</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
17	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	<u>Ước</u>	4.8	Bốn, tám	C26KT	
18	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	<u>Ước</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG1	
19	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	<u>Ước</u>	6.4	Sáu, bốn	C26LG1	
20	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	<u>Ước</u>	6.4	Sáu, bốn	C26LG1	
21	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	<u>Ước</u>	5	Năm	C26LG1	
22	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	<u>Ước</u>	5	Năm	C26KT	
23	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	<u>Ước</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
24	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	<u>Ước</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
25	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	<u>Ước</u>	3.6	Ba, sáu	C24TC1	
26	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	<u>Ước</u>	3.4	Ba, bốn	C26LG1	
27	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	<u>Ước</u>	6.4	Sáu, bốn	C26KT	
28	2410110024	Đặng Minh Như	13/07/2006	<u>Ước</u>	3.4	Ba, bốn	C26KT	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 24

Ngày 8 tháng 4 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9.00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: PM

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT	<u>Đm</u>	10	Mười	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT	<u>Đm</u>	10	Mười	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT	<u>Hai</u>	10	Mười	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT	<u>Hách</u>	10	Mười	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT	<u>Hạnh</u>	10	Mười	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT	<u>Hân</u>	10	Mười	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT	<u>Phm</u>	10	Mười	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT	<u>Phm</u>	10	Mười	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT	<u>Long</u>	10	Mười	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT	<u>Ly</u>	8.0	Tám. Không	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT	<u>My</u>	10	Mười	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	12/02/2006	C26KT	<u>Nhi</u>	10	Mười	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT	<u>Như</u>	10	Mười	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT	<u>Như</u>	10	Mười	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT	<u>Oanh</u>	10	Mười	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT	<u>Quỳnh</u>	10	Mười	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT	<u>Sang</u>	10	Mười	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT	<u>Sương</u>	10	Mười	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT	<u>Thảo</u>	10	Mười	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT	<u>Thư</u>	8.0	Tám. Không	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT	<u>Tiên</u>	10	Mười	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT	<u>Tiến</u>	6.0	Sáu. Không	
23	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT	<u>Trâm</u>	10	Mười	
24	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT	<u>Triết</u>	10	Mười	
25	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT	<u>Trình</u>	10	Mười	
26	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<u>Trúc</u>	10	Mười	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	C26KT	Luyen	10	Mười	
28	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	C26KT	uyen	10	Mười	
29	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	C26KT	Vi	10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

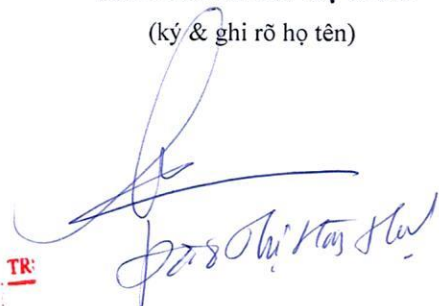
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0. Số bài thi: 29 / 29.

Ngày 20 tháng 03 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Huệ

TR
K

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Toàn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG B.C CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: PM

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT	<u>DN</u>	8.3	tám . ba	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT	<u>GV</u>	7.8	bảy . tám	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT	<u>Hai</u>	8.0	tám	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT	<u>HT</u>	7.5	bảy . năm	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT	<u>HN</u>	7.2	bảy . hai	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT	<u>HN</u>	8.0	tám	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT	<u>PH</u>	8.6	tám . sáu	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT	<u>PH</u>	9.0	chín	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT	<u>VP</u>	7.5	bảy . năm	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT	<u>TH</u>	8.0	tám	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT	<u>VT</u>	5.7	năm . bảy	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT	<u>NN</u>	8.5	tám . năm	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT	<u>DM</u>	9.3	chín . ba	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT	<u>NV</u>	8.8	tám . tám	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT	<u>OV</u>	7.8	bảy . tám	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006	C26KT	<u>TH</u>	8.8	tám . tám	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT	<u>NT</u>	7.3	bảy . ba	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT	<u>LS</u>	7.0	bảy	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT	<u>NT</u>	8.6	tám . sáu	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT	<u>NT</u>	9.3	chín . ba	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thùy	Tiên	28/10/2006	C26KT	<u>BN</u>	8.0	tám	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT	<u>LD</u>			
23	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT	<u>TT</u>	8.0	tám	
24	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT	<u>TL</u>	8.8	tám . tám	
25	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT	<u>LD</u>	7.3	bảy . ba	
26	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<u>NT</u>	7.0	bảy	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyền</i>	8.6	tám sáu	
28	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	8.0	tám	
29	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	9.0	chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 01. Số bài thi: 28 / 29.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đỗ Thị Kim Hoa

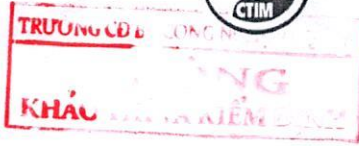
Ngày 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Minh Toàn





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám. Không	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	<u>An</u>	10	Mười	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	<u>Bao</u>	10	Mười	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	<u>Bao</u>	10	Mười	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	10	Mười	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín. Không	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	10	Mười	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	<u>Gia</u>	10	Mười	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	10	Mười	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	<u>Khoa</u>	10	Mười	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy. Không	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	10	Mười	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	10	Mười	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	<u>Nhut</u>	10	Mười	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	<u>Tan</u>	10	Mười	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	10	Mười	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	10	Mười	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	<u>Thuan</u>	10	Mười	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	<u>Anh</u>	10	Mười	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	<u>Truc</u>	9.0	Chín. Không	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám. Không	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	<u>Mye</u>	10	Mười	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	<u>Uy</u>	8.0	Tám. Không	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy. Không	

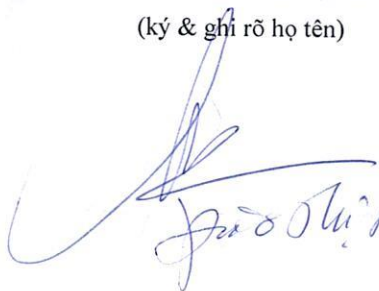
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 00. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Thanh

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Toàn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1	<u>[Signature]</u>	5.0	năm	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	6.8	sáu tám	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.0	tám	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.5	tám năm	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	5.4	năm bốn	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.8	tám tám	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.0	tám	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.8	tám tám	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	6.0	sáu	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.5	tám năm	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	5.8	năm tám	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	7.5	bảy năm	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.0	tám	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	<u>[Signature]</u>	7.0	bảy	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	6.8	sáu tám	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	9.3	chín ba	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	9.0	chín	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	7.0	bảy	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	<u>[Signature]</u>	9.3	chín ba	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.5	tám năm	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	<u>[Signature]</u>	9.3	chín ba	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	8.8	tám tám	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	6.5	sáu năm	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	7.8	bảy tám	

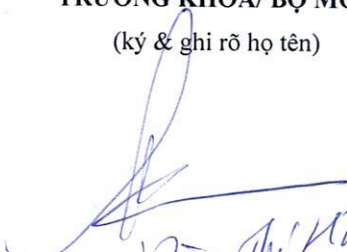
- Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 00, Số bài thi: 24 / 24.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Ngọc Thu

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Tân

KHOA

KHÁ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

L2

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

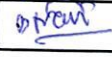
Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110017	Nguyễn Thị Kim Hoa	20/1/2005	C26KT				
2	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	C26KT		10	Mười	
3	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	C26KT		10	Mười	
4	2410110026	Lê Khánh Trân	09/05/1988	C26KT				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 12 vắng thi: 12 Số bài thi: 12 / 04

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Toàn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9.00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110017	Nguyễn Thị Kim Hoa	20/1/2005	C26KT				
2	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	C26KT	<u>[Signature]</u>	8.8	tám tám	
3	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	C26KT	<u>[Signature]</u>	9.3	chín ba	
4	2410110026	Lê Khánh Trân	09/05/1988	C26KT				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 12 . Số bài thi: 12 / 07 .

Ngày: 8 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Minh Toàn

Ngày: 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Minh Toàn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

12

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A18

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040099	Trần Nguyễn Trung Trực	28/08/2004	C24CK3	<u>Trực</u>	<u>10</u>	<u>Mười</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 00 Số bài thi: 01 / 01.Ngày: 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 18 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh ToànĐặc Thị Hằng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

L2

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9.00 Phòng thi: A18

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: PM

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040099	Trần Nguyễn Trung Trực	28/08/2004	C24CK3	<u>Trực</u>	<u>7.0</u>	<u>ba</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 00. Số bài thi: 01 / 01.Ngày: 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Toàn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM TRA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A18

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: M

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010128	Nguyễn Quang Thái	18/05/2004	C24TH4	<u>Pho</u>	<u>10</u>	<u>Mười</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

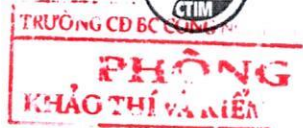
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Toàn

Đỗ Thị Văn Hương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9.00 Phòng thi: A18

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010128	Nguyễn Quang Thái	18/05/2004	C24TH4	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Ngày 13 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Minh Toàn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: DM

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<u>Kiêm</u>	6.0	Sáu. Không	
2	2410150003	Đỗ Bá Luân	05/12/2004	C26LG1				
3	2410150019	Nguyễn Hữu Trí	30/07/2006	C26LG1	<u>Trí</u>	10.0	Mười	
4	2410150012	Trần Thanh Tú	13/05/2006	C26LG1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 12 vắng thi: 12 Số bài thi: 12 / 04.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Toàn

Phạm Minh Toàn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A18

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: PM

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<u>14/10</u>	5.3	<u>năm sau</u>	
2	2410150003	Đỗ Bá Luân	05/12/2004	C26LG1				
3	2410150019	Nguyễn Hữu Trí	30/07/2006	C26LG1	<u>Trí</u>	7.4	<u>bảy bốn</u>	
4	2410150012	Trần Thanh Tú	13/05/2006	C26LG1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 02 vắng thi: 02 Số bài thi: 02 / 04

Ngày: 10 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

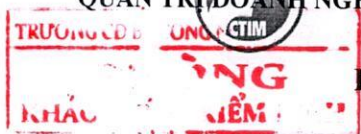
Phạm Minh Toàn

Ngày: 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Toàn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A18

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: PM

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	C24TC1	<u>Nam</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy. Không</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Toàn

Đức & Thị Trang

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 8/3/2025 Giờ thi: 9:00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: mm

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	C24TC1	<u>Nam</u>	5.0	<u>nam</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 00. Số bài thi: 01 / 01.

Ngày: 20 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Hương

Phạm Minh Toàn